

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐ-ST
Ngày 04-3-2021.
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Anh Luyện**.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Trần Thị Hoài**.
2. Ông **Phùng Ngọc Tuấn**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Nga** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa: Bà **Võ Thị Hằng** – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2020/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 2 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Phạm Ngọc S**, Sinh năm: 1987; Địa chỉ: Khu 3, xã Vạn X, huyện Tam N, tỉnh Phú Th; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Kinh. Hôm nay vắng mặt (có đơn đề nghị xin giải quyết vắng mặt).

2. Bị đơn: Chị **Mạc Thúy Ph** - Sinh năm: 1993; Địa chỉ: Thôn Bản Tr, xã Kim Th, huyện V, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Dân tộc: Tày. Hôm nay vắng mặt (có đơn đề nghị xin giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 10-12-2020 của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án của anh Phạm Ngọc S trình bày: Anh S và chị Mạc Thúy Ph trước khi kết hôn hoàn toàn tự nguyện. Có đăng ký kết hôn vào ngày 18-11-2013 tại Ủy ban nhân dân xã Kim Th, huyện V, tỉnh H. Sau khi kết hôn chúng tôi chung sống hạnh phúc. Đến khoảng tháng 7 năm 2016 vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn. Lý do mâu thuẫn là do cuộc sống gia đình có nhiều điều bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận, nên thường xuyên xảy ra cãi vã nhau vợ, chồng anh S và chị Ph đã sống ly thân nhau từ đó cho đến nay, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Nay anh S có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với chị Mạc Thúy Ph để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ, chồng anh S không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Mạc Thúy Ph trình bày tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt viết tay ghi ngày 30-12-2020, có nội dung như sau: Về quan hệ hôn nhân: Chị Ph và anh S trước khi kết hôn hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Kim Th, huyện V, tỉnh H. Đến tháng 7 năm 2016 vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ, chồng bất đồng trong làm ăn kinh tế. Nay anh S có đơn xin ly hôn với chị, chị Ph nhất trí ly hôn với anh S để mỗi người có một cuộc sống riêng.

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ, chồng không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Toà án đã tiến hành thụ lý vụ án và tiến hành các bước theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Do các đương sự không thỏa thuận được, Tòa án đưa ra xét xử.

Tại phiên tòa ngày hôm nay: Anh Phạm Ngọc S có đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 07 tháng 01 năm 2021. Chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử công bố toàn bộ nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai, đơn xin giải quyết vắng mặt của anh Phạm Ngọc S và các tài liệu kèm theo. Anh S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin ly hôn với chị Ph. Về con chung, tài sản và công nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa chị Ph vắng mặt, Chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử công bố toàn bộ nội dung đơn đề nghị giải quyết vắng mặt viết tay ghi ngày 30-12-2020, chị Ph có quan điểm nhất trí ly hôn anh S. Về con chung, tài sản và công nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật. Việc chấp hành pháp luật của đương sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có gì sai phạm.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng khoản 4 Điều 147 Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc "Ly hôn" của anh Phạm Ngọc S đối với chị Mạc Thúy Ph.

2. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Ngọc S và chị Mạc Thúy Ph ly hôn.

3. Về con chung: Anh S và chị Ph xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản, công nợ chung: Anh S và chị Ph không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí; Quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn khởi kiện của anh Phạm Ngọc S về việc xin ly hôn với chị Mạc Thúy Ph được Tòa án nhân dân huyện V thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định từ cách đương sự, thu thập chứng cứ, tiến hành hòa giải, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Ngọc S và chị Mạc Thúy Ph tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 18-11-2013 tại Ủy ban nhân dân xã Kim Th, huyện V, tỉnh H, nên có cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị Ph là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng tháng 7 năm 2016 vợ, chồng anh S, chị Ph phát sinh mâu thuẫn, đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu do cuộc sống gia đình có nhiều điều bất đồng trong làm ăn kinh tế, cuộc sống không hòa thuận. Mục đích hôn nhân không đạt được nên anh S có đơn xin ly hôn với chị Ph. Tòa án nhận thấy về tình trạng hôn nhân giữa anh S và chị Ph cuộc sống chung không hoà hợp, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh S đối với chị Ph là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Anh S và chị Ph xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản, công nợ chung: Anh S và chị Ph không yêu cầu giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Anh S là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Quyền kháng cáo: Anh Phạm Ngọc S và chị Mạc Thúy Ph được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Xử:

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện:* Về việc "Ly hôn" của anh Phạm Ngọc S đối với chị Mạc Thúy Ph.

2. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Phạm Ngọc S và chị Mạc Thúy Ph ly hôn.

3. *Về án phí:* Anh Phạm Ngọc S phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh H là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 01594 ngày 10 tháng 12 năm 2020 do chị Nguyễn Thu H nộp thay. (Anh S đã nộp đủ án phí)

4. *Quyền kháng cáo:* Báo cho Anh Phạm Ngọc S, chị Mạc Thúy Ph biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7; Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện V;
- TAND tỉnh;
- UBND xã Kim Th,
huyện V;
- Chi cục Thi hành án dân sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lâm Anh Luyện

